UBND THÀNH PHỐ CẦN THƠ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KT-CN CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH SINH VIÊN
DỰ KIẾN ĐỦ ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 12 NĂM 2021

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN
1	1600416	Nguyễn Hoàng	Bá	Nam	08/07/1998	Tỉnh Bạc Liêu	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	133	2.08	Trung bình
2	1700458	Phạm Thế	Duy	Nam	01/01/1999	Tỉnh Đồng Tháp	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	133	2.35	Trung bình
3	1700623	Nguyễn Quang	Huy	Nam	16/09/1999	Thành phố Cần Thơ	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	133	2.29	Trung bình
4	1700145	Huỳnh Duy	Lân	Nam	29/06/1999	Tỉnh Sóc Trăng	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	133	2.72	Khá
5	1700221	Huỳnh Tuấn	Phong	Nam	25/10/1998	Tỉnh Cà Mau	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	133	2.52	Khá
6	1700083	Nguyễn Quốc	Phong	Nam	14/01/1999	Tỉnh Cà Mau	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	133	2.19	Trung bình
7	1700696	Huỳnh Lê Anh	Qúy	Nam	05/12/1999	Tỉnh Trà Vinh	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	133	2.43	Trung bình
8	1600074	Trần Quang	Thái	Nam	10/05/1998	Tỉnh Đồng Tháp	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	133	2.33	Trung bình
9	1700665	Dương Đức	Trọng	Nam	10/05/1999	Tỉnh An Giang	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	133	2.63	Khá
10	1700080	Mai Đức	Trọng	Nam	23/02/1999	Tỉnh Bạc Liêu	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	133	2.31	Trung bình
11	1700048	Lê Nguyễn Lam	Trường	Nam	18/08/1999	Tỉnh Sóc Trăng	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	133	2.64	Khá
12	1700363	Phạm Quan	Tường	Nam	22/09/1999	Tỉnh Đồng Tháp	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	133	2.51	Khá
13	1700078	Võ Nhật	Anh	Nam	13/04/1999	Tỉnh Kiên Giang	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	134	2.67	Khá
14	1700366	Tăng Văn	Bảo	Nam	01/03/1999	Tỉnh Đồng Tháp	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	134	2.17	Trung bình
15	1700503	Lê Văn	Bường	Nam	20/11/1998	Tỉnh Cà Mau	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	134	2.87	Khá
16	1700305	Phạm Tấn	Cường	Nam	23/08/1999	Tỉnh Sóc Trăng	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	134	2.50	Khá
17	1700161	Lê Phú	Hào	Nam	08/05/1999	Thành phố Cần Thơ	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	134	2.29	Trung bình
18	1500239	Phạm Anh	Hào	Nam	01/01/1997	Tỉnh An Giang	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	134	2.05	Trung bình
19	1700135	Trần Minh	Hiếu	Nam	10/9/1999	Thành phố Cần Thơ	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	134	2.85	Khá
20	1700404	Võ Chí	Hiếu	Nam	29/05/1999	Tỉnh Vĩnh Long	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	134	2.31	Trung bình
21	1700678	Đặng Vĩ	Khang	Nam	15/07/1999	Tỉnh Vĩnh Long	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	134	2.34	Trung bình
22	1600437	Nguyễn Anh	Phụng	Nam	09/06/1998	Tỉnh Sóc Trăng	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	134	2.16	Trung bình
23	1700456	Lê Văn	Quí	Nam	15/11/1999	Thành phố Cần Thơ	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	134	2.74	Khá
24	1700401	Dương Phú	Quốc	Nam	02/10/1999	Tỉnh Bạc Liêu	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	134	2.76	Khá
25	1600182	Nguyễn Đặng Duy	Tân	Nam	13/05/1998	Thành phố Hồ Chí Minh	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	134	2.06	Trung bình
26	1700010	Nguyễn Duy	Tân	Nam	20/1/1999	Tỉnh Kiên Giang	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	134	2.59	Khá
27	1600440	Nguyễn Văn	Thịnh	Nam	06/11/1998	Tỉnh An Giang	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	134	2.03	Trung bình
28	1700023	Võ Minh	Thoại	Nam	16/02/1999	Tỉnh Sóc Trăng	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	134	3.30	Khá
29	1700473	Nguyễn Thanh	Toàn	Nam	16/08/1995	Tỉnh Bạc Liêu	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	134	2.66	Khá
30	1700530	Trần Hữu	Trí	Nam	21/12/1997	Thành phố Cần Thơ	Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng	134	2.81	Khá
31	1700638	Châu Thái	Ân	Nam	16/04/1999	Tỉnh Bạc Liêu	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	133	2.51	Khá
32	1700104	Trịnh Minh	Bằng	Nam	14/07/1999	Thành phố Cần Thơ	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	133	2.17	Trung bình

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN
33	1500109	Huỳnh Thái	Cường	Nam	02/01/1997	Thành phố Cần Thơ	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	135	2.51	Khá
34	1700206	Lê Hữu	Đức	Nam	20/05/1999	Tỉnh Đồng Tháp	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	133	2.52	Khá
35	1700497	Mai Hữu	Đức	Nam	10/06/1998	Thành phố Cần Thơ	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	133	2.60	Khá
36	1700273	Nguyễn Lê Nhật	Duy	Nam	27/11/1999	Tỉnh Bạc Liêu	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	133	2.12	Trung bình
37	1500189	Nguyễn Trung	Hải	Nam	22/11/1997	Tỉnh An Giang	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	135	2.04	Trung bình
38	1700613	Trần Minh	Hào	Nam	15/04/1999	Tỉnh Sóc Trăng	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	133	2.13	Trung bình
39	1700431	Nguyễn Thanh	Hiền	Nam	13/02/1998	Tỉnh Cà Mau	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	133	3.26	Giỏi
40	1700179	Phạm Công	Hiệu	Nam	27/07/1999	Tỉnh Bạc Liêu	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	133	2.02	Trung bình
41	1700729	Nguyễn Tân	Hưng	Nam	01/07/1999	Thành phố Cần Thơ	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	133	2.02	Trung bình
42	1700751	Bùi Đoàn Gia	Huy	Nam	06/12/1998	Tỉnh An Giang	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	133	2.57	Khá
43	1500179	Trần Trương	Kiên	Nam	25/09/1997	Tỉnh Cà Mau	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	135	2.90	Khá
44	1700064	Nguyễn Ngọc	Lâm	Nam	05/02/1999	Thành phố Cần Thơ	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	133	2.22	Trung bình
45	1700321	Nguyễn Phước	Lâm	Nam	25/08/1999	Thành phố Cần Thơ	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	133	2.09	Trung bình
46	1700241	Nguyễn Văn	Lành	Nam	03/06/1999	Tỉnh Cà Mau	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	133	2.40	Trung bình
47	1500169	Tạ Trí	Linh	Nam	25/03/1997	Tỉnh An Giang	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	135	2.33	Trung bình
48	1700332	Lê Hữu	Lộc	Nam	20/08/1999	Tỉnh Đồng Tháp	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	133	2.43	Trung bình
49	1700243	Ngô Đại	Lợi	Nam	08/05/1999	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	133	2.10	Trung bình
50	1700071	Võ Khánh	Luân	Nam	06/11/1999	Tỉnh Bạc Liêu	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	133	2.70	Khá
51	1700185	Lê Trương Minh	Ngọc	Nam	29/7/1999	Tỉnh Sóc Trăng	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	133	2.03	Trung bình
52	1350407	Đặng Thanh	Nhàn	Nam	13/01/1994	Thành phố Cần Thơ	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	135	2.61	Khá
53	1700280	Đoàn Thành	Nhân	Nam	07/03/1999	Thành phố Cần Thơ	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	133	2.53	Khá
54	1700659	Nguyễn Hữu Thiên	Phúc	Nam	22/03/1999	Tỉnh Đồng Tháp	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	133	2.29	Trung bình
55	1500436	Nguyễn Văn	Phụng	Nam	13/11/1997	Tỉnh Đồng Tháp	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	135	2.41	Trung bình
56	1700617	Nguyễn Tấn	Sang	Nam	24/08/1999	Tỉnh Sóc Trăng	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	133	2.23	Trung bình
57	1350322	Hồ Đắc Đặng	Thông	Nam	27/03/1995	Thành phố Cần Thơ	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	135	2.69	Khá
58	1700233	Lê Trọng	Tín	Nam	02/10/1999	Tỉnh Cà Mau	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	133	2.03	Trung bình
59	1700149	Ngô Liên Bửu	Toàn	Nam	27/01/1999	Tỉnh Sóc Trăng	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	133	3.04	Khá
60	1700245	Nguyễn Thanh	Toàn	Nam	19/04/1999	Thành phố Cần Thơ	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	133	2.77	Khá
61	1700446	Võ Quốc	Trạng	Nam	09/06/1999	Tỉnh Kiên Giang	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	133	2.00	Trung bình
62	1500098	Nguyễn Văn Thương	Anh	Nam	23/10/1997	Tỉnh Bạc Liêu	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	136	2.09	Trung bình
63	1500451	Phạm Phủ	Kính	Nam	08/06/1994	Tỉnh An Giang	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	136	2.65	Khá
64	1700005	Võ Hoài	Linh	Nam	26/10/1999	Thành phố Cần Thơ	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	135	2.78	Khá
65	1700034	Mai Ngọc	Lợi	Nam	26/04/1999	Tỉnh Cà Mau	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	135	2.65	Khá
66	1500610	Trần Thiên	Nhân	Nam	01/11/1997	Tỉnh Bến Tre	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	136	2.06	Trung bình
67	1700284	Trần Minh	Phát	Nam	24/10/1999	Tỉnh Kiên Giang	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	135	2.57	Khá
68	1700281	Phùng Thanh	Sang	Nam	22/11/1999	Tỉnh Vĩnh Long	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	135	3.22	Giỏi
69	1700198	Nguyễn Trung	Thành	Nam	22/01/1999	Tỉnh Bạc Liêu	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	135	2.52	Khá
70	1400455	Lê Hoàng	Tín	Nam	01/10/1995	Thành phố Cần Thơ	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	136	2.13	Trung bình
71	1700059	Lê Thị Huyền	Chân	Nữ	07/10/1999	Tỉnh Sóc Trăng	Công nghệ thực phẩm	133	3.27	Giỏi

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN
72	1700268	Đỗ Thảo	Huyền	Nữ	25/08/1999	Thành phố Cần Thơ	Công nghệ thực phẩm	133	2.91	Khá
73	1500710	Trần Văn	Lĩnh	Nam	04/10/1997	Tỉnh Bạc Liêu	Công nghệ thực phẩm	133	2.54	Khá
74	1700435	Nguyễn Khả	My	Nữ	16/10/1999	Tỉnh Vĩnh Long	Công nghệ thực phẩm	133	2.81	Khá
75	1350410	Nguyễn Thị Ngọc	Mỹ	Nữ	24/02/1995	Tỉnh Sóc Trăng	Công nghệ thực phẩm	133	2.84	Khá
76	1700095	Ngô Tuyết	Nhi	Nữ	17/05/1999	Tỉnh Cà Mau	Công nghệ thực phẩm	133	3.16	Khá
77	1700160	Trần Thị Huỳnh	Như	Nữ	15/05/1999	Thành phố Cần Thơ	Công nghệ thực phẩm	133	2.37	Trung bình
78	1350463	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	Nữ	29/06/1994	Tỉnh Sóc Trăng	Công nghệ thực phẩm	133	2.63	Khá
79	1700274	Trần Thị Thúy	Quỳnh	Nữ	27/10/1998	Thành phố Cần Thơ	Công nghệ thực phẩm	133	2.29	Trung bình
80	1700148	Nguyễn Đào Băng	Tâm	Nữ	06/11/1999	Thành phố Cần Thơ	Công nghệ thực phẩm	133	2.30	Trung bình
81	1700460	Nguyễn Huỳnh	Trâm	Nữ	19/01/1999	Tỉnh Đồng Tháp	Công nghệ thực phẩm	133	2.46	Trung bình
82	1700697	Phan Thị Yến	Vân	Nữ	22/12/1999	Thành phố Cần Thơ	Công nghệ thực phẩm	133	2.14	Trung bình
83	1700496	Đào Trung	Vĩnh	Nam	27/06/1999	Tỉnh Đồng Tháp	Công nghệ thực phẩm	133	2.19	Trung bình
84	1700387	Trần Thị Yến	Nhi	Nữ	05/08/1999	Thành phố Cần Thơ	Hệ thống thông tin	137	2.19	Trung bình
85	1700669	Văn Nguyễn Duy	Tân	Nam	02/09/1999	Tỉnh Sóc Trăng	Hệ thống thông tin	135	2.79	Khá
86	1501077	Nguyễn Hoàng	Di	Nam	21/01/1997	Thành phố Cần Thơ	Khoa học máy tính	132	2.13	Trung bình
87	1600294	Trương Cẩm	Duyên	Nữ	17/11/1998	Thành phố Cần Thơ	Khoa học máy tính	132	2.52	Khá
88	1600312	Lê Nhật	Hào	Nam	26/10/1997	Tỉnh Sóc Trăng	Khoa học máy tính	135	2.96	Khá
89	1700307	Mai Hoàng	Khang	Nam	06/05/1999	Tỉnh Bến Tre	Khoa học máy tính	133	3.28	Giỏi
90	1700677	Lê Tấn	Phát	Nam	04/11/1999	Tỉnh An Giang	Khoa học máy tính	133	2.52	Khá
91	1600393	Võ Ngọc Anh	Tề	Nam	06/08/1998	Tỉnh Tiền Giang	Khoa học máy tính	132	2.25	Trung bình
92	1700626	Trần Minh	Hiền	Nam	15/05/1999	Tỉnh Trà Vinh	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp	130	2.63	Khá
93	1400196	Trần Lữ Minh	Khánh	Nam	06/11/1996	Thành phố Cần Thơ	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp	130	2.67	Khá
94	1700690	Nguyễn Trung	Quân	Nam	25/01/1999	Tỉnh Đồng Tháp	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp	130	2.66	Khá
95	1400121	Huỳnh Anh	Tuấn	Nam	05/11/1996	Thành phố Cần Thơ	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp	130	2.50	Khá
96	1700252	Nguyễn Trần	Bách	Nam	25/01/1999	Tỉnh Cà Mau	Kỹ thuật phần mềm	136	2.72	Khá
97	1700176	Lê Thị Thanh	Duy	Nữ	10/11/1999	Tỉnh Cà Mau	Kỹ thuật phần mềm	136	2.25	Trung bình
98	1700747	Lương Khánh	Duy	Nam	06/08/1999	Thành phố Cần Thơ	Kỹ thuật phần mềm	137	2.70	Khá
99	1700116	Nguyễn Thị Hồng	Hân	Nữ	22/04/1999	Tỉnh Sóc Trăng	Kỹ thuật phần mềm	137	2.42	Trung bình
100	1700365	Dương Minh	Hậu	Nam	18/11/1999	Tỉnh Bạc Liêu	Kỹ thuật phần mềm	136	2.76	Khá
101	1700018	Nguyễn Tuấn	Kiệt	Nam	29/07/1999	Thành phố Cần Thơ	Kỹ thuật phần mềm	139	2.41	Trung bình
102	1501104	Nguyễn Văn	Nghĩa	Nam	22/12/1996	Tỉnh Cà Mau	Kỹ thuật phần mềm	136	3.05	Khá
103	1700536	Trương Khắc	Thắng	Nam	11/08/1999	Tỉnh Kiên Giang	Kỹ thuật phần mềm	138	2.60	Khá
104	1700421	Nguyễn Văn	Thời	Nam	19/09/1999	Tỉnh Cà Mau	Kỹ thuật phần mềm	136	2.53	Khá
105	1700263	Nguyễn Trần Ngọc	Trăm	Nữ	12/03/1999	Thành phố Cần Thơ	Kỹ thuật phần mềm	137	2.52	Khá
106	1500704	Đặng Thị Mộng	Vui	Nữ	20/01/1997	Tỉnh Trà Vinh	Kỹ thuật phần mềm	136	2.76	Khá
107	1700398	Trần Thị Hạnh	Dung	Nữ	15/01/1999	Thành phố Cần Thơ	Quản lý công nghiệp	130	2.38	Trung bình
108	1500708	Trần Chí	Hiếu	Nam	05/10/1996	Tỉnh Cà Mau	Quản lý công nghiệp	130	2.42	Trung bình
109	1700467	Lê Võ Phương	Mai	Nữ	18/05/1999	Thành phố Cần Thơ	Quản lý công nghiệp	130	2.77	Khá
110	1700486	Cao Thị Mai	Thảo	Nữ	16/11/1999	Thành phố Cần Thơ	Quản lý công nghiệp	131	2.26	Trung bình

STT	Mã SV	Họ đệm	Tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Ngành	STC TL	TBC TL	Xếp loại TN
111	1600338	Huỳnh Vĩ	Đại	Nam	13/03/1998	Tỉnh Bạc Liêu	Quản lý xây dựng	134	2.23	Trung bình
112	1700719	Lý Thành	Đạt	Nam	02/11/1999	Thành phố Cần Thơ	Quản lý xây dựng	134	2.55	Khá
113	1700204	Trương Huỳnh Thành	Đạt	Nam	29/05/1999	Tỉnh Trà Vinh	Quản lý xây dựng	134	2.72	Khá
114	1600236	Nguyễn Quốc	Khởi	Nam	17/08/1997	Tỉnh Sóc Trăng	Quản lý xây dựng	134	2.07	Trung bình
115	1600249	Huỳnh Nguyễn Thanh	Tú	Nam	13/03/1998	Thành phố Cần Thơ	Quản lý xây dựng	135	2.22	Trung bình

DANH SÁCH SINH VIÊN BỔ SUNG NGÀY 20.12.2021

116	1700146	Phạm Thị Ngọc	Hương	Nữ	30/4/1999	Thành phố Cần Thơ	Quản lý công nghiệp	130	2.46	Trung bình